

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

Ba Đồn, ngày 16 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: chị Đinh Thị Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Th và anh Nguyễn Đức D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 09/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ký Quyết định (16/9/2022).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về con chung: chị Đinh Thị Th và anh Nguyễn Đức D có 03 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1996; Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2000; Nguyễn Đức T, sinh ngày 14/11/2007. Hai con đầu Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị Ph đã trưởng thành, chị Th và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; đối với cháu Nguyễn Đức T thì Anh, Chị thỏa thuận giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Th có quyền qua lại thăm con, anh D và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh, Chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu chị Th lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Đinh Thị Th thỏa thuận nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003384, ngày 03 tháng 6 năm 2022. Chị Đinh Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đường sự;
- UBND xã Quảng Hòa;
- (GCNKH số 45, ngày 09/6/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức